

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-PT

Ngày: 28 -4-2022

V/v: “*Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại do sức khỏe bị xâm
phạm*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2021/TLPT-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2021, về “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1964

Địa chỉ: khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Phạm Như Đ, sinh ngày 17/3/2003

Địa chỉ: khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị Hoàng D, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực 2, phường 5, thành phố V1, tỉnh Hậu Giang.

3.2 Ông Phạm Hoàng T1, sinh năm: 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.3 Bà Hà Minh T2, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Như Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Nhà bà Nguyễn Thị T giáp ranh với nhà của ông Phạm Hoàng T1, bà Hà Minh T2, ngày 29/8/2020 bà Nguyễn Thị T đang đổ cát làm sân trước nhà thì vợ chồng ông T1 có hành vi chửi mắng bà T, xúi giục con tên Phạm Như Đ sang đánh bà T, do bị chấn thương, bà T phải nằm viện tại Trung tâm y tế huyện V2 06 ngày từ ngày 29/8/2020 đến ngày 04/9/2020 thì ra viện về nhà.

Từ khi bà T bị Phạm Như Đ đánh bị thương tích cho đến nay gia đình ông T1 không đến hỏi thăm hay khắc phục hậu quả gì cho bà T. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án thị xã L giải quyết buộc Phạm Như Đ cùng ông Phạm Hoàng T1, bà Hà Minh T2 là người đại diện hợp pháp của Phạm Như Đ có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà T tổng số tiền 8.136.066 đồng bao các chi phí sau:

Tiền thuốc và viện phí 1.386.660 đồng.

Tiền ngày công lao động 180.000 đồng/ngày x 6 ngày = 1.080.000 đồng.

Tiền tổn thất tinh thần 03 tháng lương tối thiểu 1.490.000 đồng x 3 = 4.470.000 đồng.

Tiền xe đi và về 30.000 đồng x 2 chuyến = 60.000 đồng.

Tiền công lao động người nuôi bệnh 180.000 đồng/ngày x 6 ngày = 1.080.000 đồng.

Tiền xe đi và về người nuôi bệnh 30.000 đồng x 2 chuyến = 60.000 đồng.

Bị đơn chị Phạm Như Đ trình bày: Do bà T có hành vi chửi mắng cha mẹ chị Phạm Như Đ là ông T1, bà T2, đòi sang dỡ nhà của chị Đ nên chị Đ mới đi ra đánh bà T trước, sau đó bà T nắm tóc chị Đ nên chị Đ đánh lại, trúng vào mắt của bà T. Nay chị thừa nhận chị có đánh bà T nhưng lỗi là do bà T gây ra nên chị Đ đồng ý bồi thường tiền thuốc và viện phí cho bà T số tiền 1.386.660 đồng, các khoản khác bà T yêu cầu chị Đ không đồng ý bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng T1, đồng thời là người đại diện hợp pháp cho chị Phạm Như Đ trình bày: Do mâu thuẫn tranh chấp đất đai từ trước, ngày 29/8/2020 bà T đắp đường nước lại không cho gia đình ông T1 thoát nước nên hai bên phát sinh tranh chấp. Con ông là Phạm Như Đ và bà T có xảy ra cự cãi và đánh nhau, bà T đánh chị Đ và chị Đ đánh lại làm bà T sưng mắt. Nay ông T1 đồng ý bồi thường tiền thuốc và viện phí cho bà T số tiền 1.386.660 đồng, các khoản khác bà T yêu cầu ông không đồng ý bồi thường vì lỗi xảy ra sự việc không phải của gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Minh T2, đồng thời là người đại diện hợp pháp cho chị Phạm Như Đ đã được Tòa án Thông báo hợp lệ nhưng

vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai được đối với bà Hà Minh T2. Tuy nhiên, bà T2 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại đơn yêu cầu ngày 19/4/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hoàng D trình bày: Trong thời gian bà T nằm viện tại Trung tâm y tế huyện V2 bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị T, thời gian chăm sóc là 06 ngày từ ngày 29/8/2020 đến ngày 04/9/2020 thì ra về. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Như Đ cùng cha mẹ chị Phạm Như Đ bồi thường tiền công lao động cho bà 06 (sáu) ngày với số tiền 1.080.000 đồng và tiền xe đi về nuôi bệnh là 60.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

- Buộc bị đơn chị Phạm Như Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng T1, bà Hà Minh T2 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 6.636.660 đồng (Sáu triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng), trong đó tiền thuốc và viện phí 1.386.660 đồng; tiền ngày công lao động 720.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 4.470.000 đồng và tiền xe đi, về 60.000 đồng.

- Buộc bị đơn chị Phạm Như Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng T1, bà Hà Minh T2 có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hoàng D số tiền 780.000 đồng (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó tiền công lao động 720.000 đồng, tiền xe đi, về nuôi bệnh 60.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/11/2021, bị đơn chị Phạm Như Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, chị Đ chỉ đồng ý bồi thường cho bà Nguyễn Thị T tiền thuốc và chi phí điều trị theo toa vé hợp lý.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý bồi thường tiền công lao động, tổn thất tinh thần cho nguyên đơn, chỉ đồng ý bồi thường tiền thuốc theo toa vé điều trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm, từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Phạm Như Đ cùng ông Phạm Hoàng T1, bà Hà Minh T2 là người đại diện hợp pháp của Phạm Như Đ có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bà với tổng số tiền là 8.136.066 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm” là đúng quy định pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Phạm Như Đ có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem là hợp lệ.

[3] Xét kháng cáo của chị Phạm Như Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Chị Đ kháng cáo với nội dung chỉ đồng ý bồi thường tiền thuốc và chi phí điều trị theo toa vé hợp lý. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ thừa nhận vào ngày 29/8/2020 do cự cãi qua lại của hai gia đình thì chị và bà T có xảy ra sự việc đánh nhau. Ngày 24/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 160/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Như Đ về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai và tại biên bản phiên tòa sơ thẩm, chị Đ thừa nhận do thấy bà T chuẩn bị đánh mẹ chị nên chị đánh bà T trước, sau đó bà T nắm tóc của chị, nên chị dùng tay đánh trúng vào vùng mặt, mắt của bà T. Do chị Đ đã có hành vi xâm phạm đến sức khỏe của bà T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự 2015 Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà T là có căn cứ.

[3.2] Căn cứ vào Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

1. Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm:

a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại,..”.

c) Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần phải có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại;

d) Thiệt hại khác do luật quy định.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không

thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Tuy nhiên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn chị Phạm Như Đ cùng cha, mẹ chị Phạm Như Đ là ông Phạm Hoàng T1, bà Hà Minh T2 bồi thường đối với tiền thuốc, viện phí, tiền tổn thất tinh thần, tiền xe bà T yêu cầu và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị là chưa đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ, trước khi thực hiện hành vi xâm phạm sức khỏe cho người khác chị Đ chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử sơ thẩm chị Đ đã trên 18 tuổi, do vậy, chị Đ phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại mà chị gây ra cho bà T, nếu chị Đ không có tài sản để bồi thường thì cha, mẹ của chị có trách nhiệm bồi thường thay cho chị.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm chị Phạm Như Đ phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Phạm Như Đ.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm 27/2021/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

2. Buộc chị Phạm Như Đ có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 6.636.660 đồng (Sáu triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng), trong đó tiền thuốc và viện phí 1.386.660 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng); tiền ngày công lao động 720.000 đồng (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng); tiền tổn thất tinh thần 4.470.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) và tiền xe đi, về 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng).

3. Buộc chị Phạm Như Đ có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hoàng D số tiền 780.000 đồng (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó tiền

công lao động 720.000đồng (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng), tiền xe đi, về nuôi bệnh 60.000đồng (Sáu mươi nghìn đồng).

Trường hợp chị Phạm Như Đ không có tài sản thì ông Phạm Hoàng T1 và bà Hà Minh T2 có trách nhiệm bồi thường thay cho bà Phạm Như Đ (Sáu mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Như Đ phải chịu 370.800 đồng (Ba trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Như Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004020 ngày 05/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 28/4/2022.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Luông - Nguyễn Hồng Thanh

Trịnh Thị Bích Hạnh